

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 9639/BCT-PC

V/v hướng dẫn thực hiện điểm b khoản 2 Điều 5
Thông tư 12/2016/TT-BCT về xuất khẩu khoáng sản.

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2016

Kính gửi: Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan).

Bộ Công Thương có nhận được một số kiến nghị của doanh nghiệp về vướng mắc khi thực hiện điểm b khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 12/2016/TT-BCT về xuất khẩu khoáng sản, cụ thể như sau:

Điểm b khoản 2 Điều 5 Thông tư số 12/2016/TT-BCT quy định “*Hồ sơ chứng minh nguồn gốc hợp pháp (Bản sao có chứng thực theo quy định) nộp cho cơ quan Hải quan, gồm có:*

- Giấy phép khai thác hoặc Giấy phép khai thác tận thu quy định tại Khoản 2 Điều 4 (sửa đổi) theo Thông tư này.

- Tờ khai hàng hóa khoáng sản nhập khẩu đối với trường hợp nhập khẩu;

- Chứng từ mua khoáng sản tịch thu, phát mại theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 (sửa đổi) theo Thông tư này đối với trường hợp mua khoáng sản phát mại.

- Chứng từ mua khoáng sản để chế biến (Hợp đồng mua khoáng sản, Hóa đơn giá trị gia tăng) kèm theo Giấy phép khai thác hoặc Giấy phép khai thác tận thu hoặc Tờ khai hàng hóa khoáng sản nhập khẩu hoặc chứng từ mua khoáng sản tịch thu, phát mại của Bên bán; Bản mô tả quy trình chế biến, tỷ lệ sản phẩm thu hồi sau chế biến đối với trường hợp mua khoáng sản để chế biến.

- Chứng từ mua khoáng sản (Hợp đồng mua khoáng sản, hóa đơn giá trị gia tăng) kèm theo Giấy phép khai thác hoặc Giấy phép khai thác tận thu hoặc Tờ khai hàng hóa khoáng sản nhập khẩu hoặc Chứng từ mua khoáng sản tịch thu, phát mại của Bên bán đối với trường hợp kinh doanh thương mại.”.

Việc chứng thực một số các giấy tờ trên như Hợp đồng ngoại thương, hóa đơn giá trị gia tăng cơ quan tư pháp, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, huyện từ chối chứng thực.

Tuy nhiên, theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch quy định:

“Điều 18. Giấy tờ, văn bản làm cơ sở để chứng thực bản sao từ bản chính

1. Bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.

2. Bản chính giấy tờ, văn bản do cá nhân tự lập có xác nhận và đóng dấu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Điều 40. Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực

1. Cơ quan lưu trữ hợp đồng, giao dịch có trách nhiệm cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực theo yêu cầu của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng; giao dịch.

2. Người yêu cầu cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch phải xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng để người thực hiện chứng thực kiểm tra.

3. Việc chứng thực bản sao từ bản chính hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 20 của Nghị định này”.

Như vậy, theo các quy định trên thì chỉ có hóa đơn giá trị gia tăng (VAT) quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Thông tư số 12/2016/TT-BCT không thuộc các giấy tờ được chứng thực theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, các giấy tờ còn lại thuộc trường hợp được chứng thực.

Do vậy, để tạo điều kiện tháo gỡ khó khăn, giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp trong quá trình chuẩn bị hồ sơ xuất khẩu khoáng sản, đề nghị Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) chỉ đạo hải quan các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khi thực hiện điểm b khoản 2 Điều 5 Thông tư số 12/2016/TT-BCT chỉ yêu cầu doanh nghiệp nộp bản sao hóa đơn giá trị gia tăng trong hồ sơ hải quan, các giấy tờ còn lại nộp bản sao có chứng thực và doanh nghiệp phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các giấy tờ, chứng từ đã nộp theo quy định tại Điều 18 của Luật Hải quan 2014.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Vụ CNNG, Cục XNK (để phối hợp);
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Thắng Hải